

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II - CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI 11

Năm học 2025 - 2026

I. LÝ THUYẾT

Chương IV. PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI



Bài 13: Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng, trị

	Bệnh Newcastle	Bệnh cúm gia cầm	Bệnh tụ huyết trùng
Đặc điểm	- Truyền nhiễm cấp tính - Gây viêm, xuất huyết các cơ quan đường tiêu hóa và hô hấp.	- Truyền nhiễm cấp tính - Gây sốt cao, biểu hiện bệnh lý ở các cơ quan trong cơ thể gia cầm.	- Truyền nhiễm cấp tính - Gây nhiễm trùng máu.
Nguyên nhân	- do virus <i>Paramyxovirus</i> thuộc họ <i>Paramyxoviridae</i> gây ra.	- do virus Cúm type A, chủ yếu thuộc subtype H5N1 gây ra.	- do vi khuẩn <i>Pasteurella multocida</i> gây ra.
Phòng bệnh	- Ngăn chặn nguồn bệnh - Sát trùng dụng cụ, thiết bị chăn nuôi - Kiểm dịch, cách ly, tiêm vaccin đúng quy định - Khi có dịch: Tiêu hủy gia cầm bị bệnh và nghi nhiễm, tiêm vaccin và cách ly số gia cầm còn lại, tẩy uế và tiêu độc chuồng trại	- Ngăn chặn nguồn bệnh - Hạn chế tiếp xúc với chim hoang dã - tiêm vaccin đúng quy định - Khi có dịch: Cấm hoạt động buôn bán, giết mổ gia cầm; sát trùng, tiêu độc; theo dõi sát diễn biến dịch bệnh.	- Thường xuyên vệ sinh dụng cụ, chuồng trại, thiết bị chăn nuôi. - Cung cấp đầy đủ thức ăn, nước uống - Tiêm vaccin theo quy định.
Trị bệnh	- Phát hiện và thông báo kịp thời cho thú y. - Chưa có thuốc đặc trị - Tăng đề kháng cho gia cầm.	- Phát hiện hoặc nghi ngờ gia cầm phát bệnh cần thông báo kịp thời cho thú y. - Chưa có thuốc đặc trị.	- Phát hiện và thông báo kịp thời cho thú y. - Điều trị sớm bằng kháng sinh và thuốc trợ lực.

Bài 14: Một số bệnh phổ biến ở trâu, bò và biện pháp phòng, trị

	Lở mồm, long móng	Bệnh tụ huyết trùng
Đặc điểm	- Truyền nhiễm cấp tính - Gây sốt đột ngột, viêm mụn nước, lở loét miệng, vú, vùng móng chân, chảy nhiều nước bọt, nứt móng,...	- Truyền nhiễm cấp tính - Gây đờ đẫn, sốt cao, khó thở, ho khan, chảy nước mắt, nước mũi. Gây tụ huyết từng mảng, xuất huyết niêm mạc mắt, miệng, mũi, da.
Nguyên nhân	- do virus lở mồm, long móng thuộc họ <i>Picornaviridae</i> gây ra.	- do vi khuẩn <i>Pasteurella multocida</i> gây ra. - do môi trường sống thay đổi
Phòng bệnh	- Kiểm dịch, ngăn chặn nguồn bệnh. - Vệ sinh, tiêu độc chuồng trại, cách ly triệt để gia súc bị bệnh hoặc nghi bệnh. - tiêm vaccin đúng quy định - Nghiêm cấm giết mổ, mua bán, vận chuyển trong vùng có dịch.	- Thường xuyên vệ sinh chuồng trại. - Cung cấp đầy đủ thức ăn, nước uống, tăng đề kháng - Thực hiện biện pháp chăn nuôi: “Cùng vào – cùng ra” - Tiêm vaccin theo quy định.
Trị bệnh	- Phát hiện và thông báo kịp thời cho thú y. - Vật nuôi chết do bệnh cần chôn sâu, xa khu dân cư, xa nguồn nước, bãi chăn thả. - Giết mổ gia súc trong vùng dịch phải tuân thủ quy định. - Chưa có thuốc đặc trị.	- Phát hiện và thông báo kịp thời cho thú y. - Điều trị sớm bằng kháng sinh và thuốc trợ lực.

Bài 15: Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi

a. Ứng dụng trong sản xuất vaccin DNA tái tổ hợp:

- Độ an toàn cao hơn các loại vaccin thông thường
- Bảo vệ cơ thể vật nuôi tốt hơn
- Quy trình sản xuất ít tốn kém, nhanh hơn và đơn giản hơn.

b. Ứng dụng trong phát hiện sớm virus gây bệnh ở vật nuôi;

- Nhờ ứng dụng công nghệ sinh học, có thể phát hiện sớm, chính xác các virus gây bệnh trên vật nuôi.
- Nâng cao hiệu quả phòng trị bệnh, hạn chế bùng phát thành dịch, giảm thiểu tổn thất cho người chăn nuôi.

Chương V. CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI



BÀI 16: CHUỒNG NUÔI VÀ BIỆN PHÁP VỆ SINH TRONG CHĂN NUÔI

I. CHUỒNG NUÔI

- Chuồng nuôi là nơi tạo tiểu khí hậu cho vật nuôi sống và sản xuất.
- Chuồng nuôi tốt và phù hợp sẽ giúp vật nuôi sống thoải mái, khoẻ mạnh, ít bệnh tật.

1. Một số yêu cầu chung về chuồng nuôi

- Vị trí chuồng nuôi:
 - + Xây dựng ở nơi yên tĩnh, xa khu dân cư, đường giao thông.
 - + Cách biệt với nhà ở.
- Hướng chuồng:
 - + Hướng nam.
 - + Hướng đông - nam.
- => Đón gió mát và ánh sáng tự nhiên.
- Nền chuồng khô ráo, ẩm, chắc chắn, dốc nhẹ và cao hơn mặt đất xung quanh.
- Kiến trúc xây dựng:
 - + Thiết kế phù hợp với đặc tính vật nuôi, dễ chăm sóc, ứng dụng công nghệ hiện đại.

2. Các kiểu chuồng nuôi phổ biến

Có 3 kiểu chuồng nuôi phổ biến.

a) Chuồng hở

- Chuồng hở là kiểu chuồng thông thoáng tự nhiên.
- Ưu điểm:
 - + Thi công đơn giản, chi phí đầu tư thấp.
- Nhược điểm:
 - + Khó kiểm soát môi trường bên trong chuồng.
 - + Vật nuôi dễ bị ảnh hưởng bởi thời tiết bên ngoài.
 - + Không thích hợp cho mô hình chăn nuôi quy mô lớn.
 - + Khó đảm bảo an toàn sinh học.

b) Chuồng kín

- Là loại chuồng xây kín dạng “đường hầm”, với hệ thống thiết bị tự động điều chỉnh tiểu khí hậu phù hợp cho vật nuôi.
- Thường dùng trong chăn nuôi công nghiệp, quy mô lớn.
- Ưu điểm: tạo môi trường ổn định, không bị ảnh hưởng bởi thời tiết hay mùa vụ nên:
 - + Năng suất cao.
 - + Giảm chi phí thức ăn.
 - + Ít dịch bệnh.
- Nhược điểm:
 - + Chi phí đầu tư cao.
 - + Yêu cầu hệ thống điện, nước tiên tiến.
 - + Ảnh hưởng tới việc đối xử nhân đạo với vật nuôi.

c) Chuồng kín – hở linh hoạt

- Kiểu chuồng kín - hở linh hoạt là chuồng kín nhưng có hệ thống cửa sổ mở đóng linh hoạt.
- Ưu điểm: mở cửa khi thời tiết thuận lợi giúp tiết kiệm điện và nước.
- Nhược điểm:
 - + Đầu tư ban đầu lớn.
 - + Thích hợp cho chăn nuôi công nghiệp hoặc bán công nghiệp.

3. Một số yêu cầu chuồng hở cho các vật nuôi phổ biến

a) Chuồng hở trong chăn nuôi gà thịt

- Nền chuồng:
 - + Cao hơn mặt đất, làm bằng bê tông láng mịn.
 - + Chia thành các ô riêng cho từng nhóm gà, lớp lót dày 20 - 30 cm.
- Tường chuồng:
 - + Xây cao khoảng 50 cm, phía trên có lưới B40.
- Mái chuồng:

- + Kiểu 4 mái.

- + Đủ độ cao.

=> Đảm bảo ánh sáng, thông thoáng chuồng nuôi.

b) Chuồng hở trong chăn nuôi lợn thịt

- Nền chuồng:

- + Cao hơn mặt đất, có độ nghiêng về phía rãnh thoát nước

- + Chia thành các ô nuôi từng nhóm lợn tùy quy mô.

- Tường chuồng:

- + Xây kiên cố, mịn, cao khoảng 0,8 m.

- + Phía trên có rèm hoặc bạt linh hoạt để tăng thông gió hoặc che chắn gió, mưa.

- Mái chuồng:

- + Sử dụng vật liệu cách nhiệt tốt.

- + Cao thoáng và tận dụng ánh sáng tự nhiên.

c) Chuồng hở trong chăn nuôi bò

- Nền chuồng:

- + Cao hơn mặt đất.

- + Làm bằng bê tông dày, phẳng, không bị đọng nước.

- + Chia thành các ô nuôi bò theo nhóm.

- Tường chuồng:

- + Xây chắc chắn, mịn, cao khoảng 80 cm.

- + Phía trên có bạt di động để chắn gió và mưa.

- Mái chuồng:

- + Kiểu 4 mái, mái hở, cao thoáng để lấy ánh sáng và thông khí tự nhiên.

II. BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO VỆ SINH CHUỒNG NUÔI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHĂN NUÔI

- Vệ sinh chuồng trại và bảo vệ môi trường là yếu tố then chốt giúp ngăn ngừa dịch bệnh và thúc đẩy phát triển chăn nuôi bền vững.

- Thực hiện tiêu độc, khử trùng định kỳ và xử lý chất thải nhanh chóng, đúng cách.

- Quan tâm đến quy hoạch khu chăn nuôi và thiết kế chuồng trại hợp lý.

- Áp dụng quy trình chăn nuôi hiện đại nhằm bảo vệ môi trường nuôi.

BÀI 17: NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI

I. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc gà đẻ trứng

1. Chuồng nuôi và mật độ nuôi

- Chuồng nuôi gà đẻ cần được làm ở vị trí yên tĩnh và có thể phù hợp cho gà đẻ trứng.

- Để cần được bố trí và thiết kế sao cho chắc chắn, thu trứng thuận lợi và không gây vỡ trứng.

- Mật độ nuôi gà đẻ trứng trung bình từ 3 đến 3,5 con/m² chuồng (đối với nuôi trên nền).

- Nên điều chỉnh mật độ nuôi tùy thuộc vào mùa và điều kiện thời tiết.

2. Thức ăn và cho ăn

- Thức ăn cho gà đẻ trứng cần đầy đủ dinh dưỡng, protein 15 - 17%, calcium 3 - 3.5% để tạo vỏ trứng.

- Gà nên được cho ăn 2 lần/ngày với máng ăn và uống riêng biệt, bổ sung bột vỏ trứng, bột xương và cho gà uống nước sạch tự do.

3. Chăm sóc gà đẻ trứng

- Vệ sinh sạch sẽ chuồng nuôi, máng ăn, máng uống hàng ngày.

- Duy trì nhiệt độ và độ ẩm phù hợp, ánh sáng yếu và chiếu sáng từ 14 đến 16h/ngày.

- Quan sát đàn gà, tách các cá thể bị ốm ra khỏi đàn để điều trị, tiêm vaccine đầy đủ theo quy định.

- Thu trứng từ 3 đến 4 lần/ngày vào những thời điểm nhất định.

II. Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt

1. Chuồng nuôi và mật độ nuôi

- Chuồng nuôi lợn thịt thường có nền xi măng hoặc nền xi măng kết hợp lớp đệm chuồng.

- Diện tích nền xi măng chiếm khoảng 1/3 diện tích chuồng.

- Phương thức nuôi này tiên tiến, giảm ô nhiễm môi trường, chống nóng hiệu quả trong mùa hè.

2. Thức ăn và cho ăn

- Cần cung cấp thức ăn phù hợp với từng giai đoạn phát triển và đặc điểm sinh lý của lợn.
- Thức ăn cần an toàn vệ sinh và không chứa nấm mốc và độc tố.
- Có 2 cách cho lợn ăn: tính lượng thức ăn theo khối lượng cơ thể hoặc cho ăn tự do với máng ăn tự động.
- Cho lợn uống nước sạch theo nhu cầu bằng vòi uống tự động.

3. Chăm sóc lợn thịt

- Đảm bảo chuồng nuôi lợn thịt luôn ẩm vào mùa đông, mát vào mùa hè, chống rét và chống nóng bằng các biện pháp thích hợp.
- Hằng ngày làm vệ sinh chuồng, máng ăn, máng uống sạch sẽ.
- Thường xuyên quan sát đàn lợn, tách các cá thể bị ốm để điều trị.
- Tiêm vaccine đầy đủ theo quy định.

III - Quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc bò sữa

1. Chuồng nuôi và phương thức nuôi

- Bò sữa được nuôi trong chuồng thông thoáng tự nhiên.
- Nuôi theo 2 phương thức: bán công nghiệp (Hình 17.5) và công nghiệp (Hình 17.6).

2. Thức ăn và cho ăn

Thức ăn cho bò sữa gồm ba nhóm chính: thức ăn thô, thức ăn tinh và thức ăn bổ sung.

- Thức ăn thô bao gồm: thức ăn xanh, ủ chua, cỏ khô, rơm lúa, củ quả.
- Thức ăn tinh bao gồm: hạt ngũ cốc, bột từ hạt ngũ cốc, bột và khô dầu đậu tương, hạt cây họ Đậu, bã bia và thức ăn tinh hỗn hợp công nghiệp.
- Thức ăn bổ sung gồm các khoáng và vitamin. Nên trộn lẫn thật kỹ với thức ăn thô để tăng hiệu quả tiêu hoá.

3. Chăm sóc bò sữa

a) Chống nóng cho bò sữa

- Thiết kế và xây dựng chuồng trại hợp lý
- Lắp đặt thiết bị điều hoà nhiệt độ trong chuồng như tường nước, quạt, giàn phun nước
- Trồng cây bóng mát trong khu vực chuồng trại và trên đồng cỏ
- Có chế độ tắm thích hợp vào những ngày/giờ nắng nóng

b) Chiều sáng hợp lý

Chế độ chiếu sáng được khuyến cáo như sau:

- Bò đang vắt sữa: 16 giờ sáng + 8 giờ tối
- Bò cặn sữa: 8 giờ sáng + 16 giờ tối.

c) Giảm thiểu tối đa các stress

Để giảm stress cho bò, cần ổn định tối đa các yếu tố ngoại cảnh như nhiệt độ, độ ẩm, cảnh quan, ánh sáng, âm thanh, thái độ ứng xử của người nuôi.

d) Vệ sinh và quản lý sức khoẻ

- Để chăm sóc bò sữa tốt, cần ổn định các yếu tố ngoại cảnh và đảm bảo vệ sinh sạch sẽ cho chuồng và bò.
- Cần ghi chép thường xuyên tình trạng sức khoẻ và tiêm phòng đầy đủ.

e) Khai thác sữa

Khai thác sữa có thể được thực hiện bằng tay, máy hoặc robot và cần đảm bảo quy trình ổn định và vệ sinh trước và sau khi khai thác.

II. TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Bài 13. Một số bệnh phổ biến ở gia cầm và biện pháp phòng trị

Câu 1. Đầu không phải là bệnh phổ biến ở gia cầm?

- A. Bệnh tai xanh. B. Bệnh tụ huyết trùng. C. Bệnh Newcastle. D. Bệnh cúm.

Câu 2. Đặc điểm của bệnh Newcastle là

- A. Lây lan chậm. B. Lây lan nhanh.
C. Lây lan nhanh và xảy ra ở mọi lứa tuổi. D. Xảy ra ở mọi lứa tuổi.

Câu 3. Bệnh Newcastle là bệnh truyền nhiễm cấp tính xảy ra ở

- A. gia cầm, chủ yếu ở gà.
- B. gia cầm và chim hoang dã.
- C. gia cầm.
- D. gia cầm, không xảy ra ở gà.

Câu 4. Bệnh gà rù còn có tên gọi là gì?

- A. Bệnh Paramyxovirus.
- B. Bệnh Paramyxoviridae.
- C. Bệnh Classical Swine Fever.
- D. Bệnh Newcastle.

Câu 5. Bệnh Newcastle do virus gì gây ra?

- A. Paramyxoviridae thuộc họ Paramyxovirus.
- B. Paramyxovirus thuộc họ Paramyxoviridae.
- C. Paramyxovirus thuộc họ Picornaviridae.
- D. Penicillin thuộc họ Paramyxovirus.

Câu 6. Gây viêm, xuất huyết các cơ quan đường tiêu hoá và hô hấp là đặc điểm của bệnh nào sau đây ở gia cầm?

- A. Bệnh tụ huyết trùng.
- B. Bệnh xuất huyết.
- C. Bệnh cúm.
- D. Bệnh Newcastle.

Câu 7. Biện pháp nào dưới đây dùng để phòng bệnh Newcastle khi dịch chưa xảy ra?

- A. Tiêu hủy gia cầm bị bệnh và nghi nhiễm bệnh theo đúng quy định.
- B. Thực hiện kiểm dịch, cách li và tiêm vaccine đúng quy định.
- C. Tẩy uế và tiêu độc chuồng trại, không mang gia cầm bệnh ra khỏi vùng dịch.
- D. Dùng thuốc trợ sức, trợ lực để tăng khả năng đề kháng khi gia cầm bị bệnh.

Câu 8. Chọn phát biểu **sai** về phòng bệnh Newcastle.

- A. Tiêu hủy gia cầm bị bệnh và nghi nhiễm bệnh theo đúng quy định.
- B. Mang gia cầm bệnh và sản phẩm của chúng ra khỏi vùng dịch.
- C. Ngăn chặn nguồn bệnh bằng biện pháp như hạn chế người qua lại khu chăn nuôi.
- D. Thực hiện kiểm dịch, cách li và tiêm vaccine đúng quy định.

Câu 9. Bệnh cúm gia cầm là bệnh truyền nhiễm cấp tính xảy ra ở

- A. gia cầm, chủ yếu ở gà.
- B. gia cầm và chim hoang dã.
- C. gia cầm.
- D. gia cầm, không xảy ra ở gà.

Câu 10. Đặc trưng của bệnh cúm gia cầm là

- A. giảm đẻ, trứng bị biến dạng, vỏ trứng xù xì.
- B. ngoẹo cổ, bước vòng tròn, liệt chân và cánh.
- C. sốt cao, có những biểu hiện bệnh lí ở hệ thống tiêu hóa, hô hấp, thần kinh và sinh sản.
- D. ngáp, lắc đầu, điều căng và đầy hơi, khó thở.

Câu 11. Chọn phát biểu **sai** về phòng và trị bệnh cúm gia cầm?

- A. Nuôi lẫn nhiều loại gia cầm.
- B. Không giết mổ con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi.
- C. Vệ sinh khử trùng triệt để chuồng trại.
- D. Tiêu hủy con vật bị bệnh.

Câu 12. Bệnh nào là bệnh truyền nhiễm cấp tính ở gia cầm?

- A. Bệnh cúm gia cầm.
- B. Bệnh tụ huyết gia cầm.
- C. Bệnh Pasteurella multocida.
- D. Bệnh Newcastle.

Câu 13. Khi gia cầm bị bệnh cúm gia cầm thì cần phải làm gì?

- A. Giết mổ con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi.
- B. Di chuyển con vật ra khỏi khu vực chăn nuôi.
- C. Tiến hành các biện pháp chống dịch theo hướng dẫn của cán bộ thú y.
- D. Chuyển gia cầm từ nơi khác về.

Câu 14. Bệnh nào ở gia cầm có đặc trưng là sốt cao, có những biểu hiện bệnh lí ở hệ thống tiêu hóa, hô hấp, thần kinh và sinh sản?

- A. Bệnh gà rù.
- B. Bệnh tụ huyết trùng.
- C. Bệnh cúm gia cầm.
- D. Bệnh lở mồm, long móng.

Câu 15. Chọn biện pháp trị bệnh cúm gia cầm **đúng** trong các biện pháp dưới đây.

- A. Phát hiện và điều trị sớm bằng kháng sinh và thuốc trợ lực.
- B. Khi phát hiện gia cầm bị bệnh, phải điều trị dự phòng cho toàn đàn bằng kháng sinh.
- C. Sử dụng kháng sinh gồm Streptomycin, Tetracycline, Neotesol theo hướng dẫn nhà sản xuất.
- D. Khai báo với cán bộ thú y địa phương để kịp thời xử lý khi gia cầm bị bệnh.

Bài 14. MỘT SỐ BỆNH PHỔ BIẾN Ở TRÂU, BÒ VÀ BIỆN PHÁP PHÒNG TRỊ

Câu 1. Bệnh nào ở trâu, bò do virus thuộc họ Picornaviridae có vật chất di truyền là RNA gây ra?

- A. Bệnh cúm gia cầm.
- B. Bệnh Newcastle.
- C. Bệnh lở mồm long móng.
- D. Bệnh tụ huyết trùng.

Câu 2. Để phòng bệnh lở mồm long móng ở trâu bò biện pháp nào là quan trọng, hiệu quả nhất

- A. Tiêm vaccin 2 lần/ năm.
- B. Tiêm vaccine 1 lần/ năm.
- C. Vệ sinh chuồng trại.
- D. Cách li vật nuôi.

Câu 3. Tại sao khi vật nuôi bị bệnh long mồm lở móng phải tiến hành tiêu hủy theo quy định an toàn sinh học?

- A. Vì chưa thực hiện vệ sinh, tiêu độc chuồng trại đúng quy định.
- B. Vì bệnh chưa có thuốc đặc trị.
- C. Vì việc giết mổ gia súc trong vùng dịch phải tiến hành tại lò mổ.
- D. Vì vật nuôi chưa tiêm phòng vaccine đầy đủ theo khuyến cáo của cơ quan thú y.

Câu 4. Dưới đây là các biện pháp phòng và trị bệnh tụ lở mồm long móng trâu bò. Ý nào **không đúng**?

- A. Tiêm kháng sinh.
- B. Tiêm vaccine.
- C. Cách li.
- D. Tiêu hủy vật nuôi bị mắc bệnh.

Câu 5. Bệnh lở mồm long móng do tác nhân nào gây ra?

- A. Vi khuẩn.
- B. Virus.
- C. Vi nấm.
- D. Động vật nguyên sinh.

Câu 6. Biện pháp phòng, trị bệnh lở mồm, long móng là

- A. chôn trâu bò chết do dịch ở khu vực chăn nuôi.
- B. chôn trâu bò chết do dịch ở bãi chăn thả động vật.
- C. chôn trâu bò chết do dịch ở ngay nguồn nước sinh hoạt.
- D. chôn trâu bò chết do dịch ở giữa hai lớp vôi rồi lấp đất kĩ.

Câu 7. Bệnh lở mồm, long móng gây hại ở những động vật nào sau đây?

- A. Trâu, bò, dê, lợn.
- B. Trâu, bò, gà, vịt.
- C. Trâu, bò, chó, mèo.
- D. Gia súc, gia cầm.

Câu 8. Bệnh tụ huyết trùng trâu bò là

- A. bệnh truyền nhiễm cấp tính do vi khuẩn gây ra.
- B. bệnh truyền nhiễm mãn tính do vi khuẩn gây ra.
- C. bệnh kí sinh trùng cấp tính do trùng Toxoplasma gây ra.
- D. bệnh kí sinh trùng mãn tính do trùng Toxoplasma gây ra.

Câu 9. Nguyên nhân nào gây bệnh tụ huyết trùng trâu, bò?

- A. Vi khuẩn Gram âm Trypanosoma evansi.
- B. Vi khuẩn Gram âm Pasteurella.
- C. Virus Gram âm Pasteurella.
- D. Virus Gram âm Trypanosoma evansi.

Câu 10. Đặc điểm nổi bật của bệnh tụ huyết trùng trâu bò là gì?

- A. Gây tụ huyết ở trong tim, khó nhận biết.
- B. Gây tụ huyết, xuất huyết ở những vùng nhất định trên cơ thể.
- C. Gây xuất huyết ở mọi bộ phận trên cơ thể.
- D. Gây tụ huyết, xuất huyết ở toàn bộ cơ thể.

Câu 11. Biện pháp nào dưới đây dùng để trị bệnh tụ huyết trùng trâu, bò?

- A. Luôn giữ chuồng trại, bãi chăn thả khô thoáng, lưu thông khí, thực hiện vệ sinh sát trùng định kì
- B. Sử dụng một số loại kháng sinh như Tetracycline, Sulfamethazine, Tiamulin
- C. Cần phát hiện bệnh sớm và điều trị kịp thời bằng các loại kháng sinh: Kanamycin, Neomycin, Gentamycin
- D. Tiêm phòng vaccine đầy đủ theo quy định

Câu 12. Bệnh nào dưới đây là bệnh truyền nhiễm cấp tính ở trâu, bò do vi khuẩn Gram âm có tên Pasteurella multocida gây ra?

- A. Bệnh lở mồm, long móng.
- B. Bệnh tụ huyết trùng trâu, bò.
- C. Bệnh Newcastle.
- D. Bệnh cúm gia cầm.

Câu 13. Triệu chứng của bệnh tụ huyết trùng trâu, bò là

- A. mụn nước bắt đầu mọc ở bên trong má, mép và bề mặt lưỡi, thường không có mũ
- B. lưỡi trâu, bò thường bị bong tróc biểu mô 2/3 phía trước

C. trâu, bò thường có các triệu chứng như sốt đột ngột trong khoảng 2 – 3 ngày
D. con vật thường kiệt sức, suy hô hấp và chết trong vài giờ đến vài ngày từ khi xuất hiện những triệu chứng đầu tiên

Câu 14. Biểu hiện “con vật mệt mỏi, khó thở, sốt cao, viêm mạc mắt, mũi đỏ sẫm, chảy nước mắt, nước mũi” là biểu hiện của bệnh nào ở trâu, bò?

- A. Bệnh cúm gia cầm. B. Bệnh tiên mao trùng.
C. Bệnh lở mồm, long móng. D. Bệnh tụ huyết trùng.

Câu 15. Đặc điểm bệnh tụ huyết trùng trâu, bò là

- A. xuất huyết ở các bề mặt niêm mạc, mồm, bụng. Xuất huyết và hoại tử tuyến tụy.
B. ủ rũ, vận động chậm, bỏ ăn, chảy nhiều nước mũi, nước dãi, liệt chân, ngoẹo cổ.
C. gây tụ huyết từng mảng và xuất huyết ở một số vùng như niêm mạc mắt, miệng, mũi, da.
D. chảy nước mũi, nước bọt, móng bị nứt.

Bài 15. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC TRONG PHÒNG, TRỊ BỆNH CHO VẬT NUÔI.

Câu 1. Đây là một công nghệ mới ứng dụng trong sản xuất vaccine?

- A. Công nghệ vaccine tái tổ hợp. B. Kỹ thuật triệt phá virus trao đổi gene.
C. Kỹ thuật tấn công trực diện virus. D. Công nghệ sử dụng virus DNA.

Câu 2. Đây không phải một ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi?

- A. Ứng dụng công nghệ chẩn đoán di truyền trong chẩn đoán bệnh cho vật nuôi
B. Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi
C. Ứng dụng công nghệ lên men liên tục trong sản xuất kháng sinh điều trị bệnh cho vật nuôi
D. Ứng dụng công nghệ acid sulfuric xúc tác trong loại bỏ virus có hại

Câu 3. Vaccine DNA tái tổ hợp là gì?

- A. Là dạng vaccine được sản xuất bằng cách sử dụng các gene mã hóa kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật gây bệnh để tổng hợp ra các phân tử RNA tái tổ hợp có khả năng kích thích cơ thể vật nuôi chống lại chính các vi sinh vật gây bệnh đó.
B. Là dạng vaccine được sản xuất bằng cách sử dụng các gene mã hóa kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật gây bệnh để tổng hợp ra các phân tử DNA tái tổ hợp không có khả năng kích thích cơ thể vật nuôi chống lại chính các vi sinh vật gây bệnh đó.
C. Là dạng vaccine được sản xuất bằng cách sử dụng các gene mã hóa kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật gây bệnh để tổng hợp ra các phân tử DNA tái tổ hợp có khả năng kích thích cơ thể vật nuôi chống lại chính các vi sinh vật gây bệnh đó.
D. Là dạng vaccine được sản xuất bằng cách sử dụng các gene mã hóa tái tổ hợp của vi sinh vật gây bệnh để tổng hợp ra các phân tử DNA có khả năng kích thích cơ thể vật nuôi chống lại chính các vi sinh vật gây bệnh đó.

Câu 4. Quy trình sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp có ưu điểm

- A. chi phí cao. B. phức tạp.
C. sản xuất ở quy mô lớn. D. chi phí cao, phức tạp, sản xuất ở quy mô lớn.

Câu 5. Việc ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi đem lại cho ngành chăn nuôi lợi ích gì?

- A. Giúp con người không bao giờ phải lo toan đến sức khỏe của con vật nữa
B. Giúp việc chăm sóc, điều trị bệnh cho vật nuôi được nhanh chóng, hiệu quả, tốn ít chi phí hơn
C. Giúp vật nuôi trở nên khỏe mạnh vô cùng, chống chịu được mọi loại bệnh tật.
D. Giúp bảo vệ môi trường.

Câu 6. Chọn phát biểu **sai** về ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi?

- A. Ứng dụng công nghệ mới làm cho việc sản xuất vaccine chậm phát triển.
B. Cho ra hàng loạt sản phẩm đồng đều với giá thành thấp.
C. Quy trình sản xuất được công nghiệp hóa cao.
D. Hiệu quả cao hơn so với vaccine cổ điển.

Câu 7. Các loại vaccine thông thường được sản xuất bằng cách nào?

A. Sử dụng các protein của virus, vi khuẩn khỏe mạnh

B. Sử dụng các virus, vi khuẩn không gây bệnh

C. Sử dụng các protein của virus, vi khuẩn không gây bệnh

D. Sử dụng các virus, vi khuẩn gây bệnh đã làm suy yếu, bất hoạt

Câu 8. Chọn phát biểu **sai** về tác hại của bệnh do virus gây ra nếu không phát hiện sớm?

A. Bảo vệ môi trường.

B. Ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

C. Gây thiệt hại lớn về kinh tế cho người chăn nuôi. D. Có thể bùng phát thành dịch.

Câu 9. Chọn phát biểu **đúng** về tác hại của bệnh do virus gây ra nếu không phát hiện sớm?

A. Có thể bùng phát thành dịch.

B. Bảo vệ sức khỏe con người.

C. Làm tăng trưởng nền kinh tế.

D. Bảo vệ môi trường.

Câu 10. Dạng vaccine nào được sản xuất bằng cách sử dụng các gene mã hóa kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật gây bệnh để tổng hợp ra các phân tử DNA tái tổ hợp có khả năng kích thích cơ thể vật nuôi chống lại chính các vi sinh vật gây bệnh đó?

A. Vaccine DNA tái tổ hợp.

B. Vaccine NDA tái tổ hợp.

C. Vaccine RNA tái tổ hợp.

D. Vaccine NRA tái tổ hợp.

Câu 11. Dưới đây là những lợi ích của việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine phòng bệnh cho vật nuôi. **Ý nào không đúng?**

A. Việc sản xuất vaccine được phát triển nhanh

B. Quy trình sản xuất được công nghiệp hoá cao, cho ra hàng loạt sản phẩm đồng đều với giá thành thấp

C. Vaccine được nghiên cứu, sản xuất và sử dụng một cách nhanh chóng, dễ dàng, không cần nhiều kiến thức chuyên môn

D. Vaccine thường có đáp ứng miễn dịch tốt hơn, hiệu quả cao hơn so với vaccine cổ điển

Câu 12. Vaccine DNA tái tổ hợp được sản xuất bằng cách sử dụng các gene như thế nào để tổng hợp ra các phân tử DNA tái tổ hợp?

A. Gene mã hóa kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật không gây bệnh

B. Gene mã hóa kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật gây bệnh

C. Gene tái tổ hợp kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật gây bệnh

D. Gene tái tổ hợp kháng nguyên thiết yếu của vi sinh vật không gây bệnh

Câu 13. Chọn phát biểu **sai** về quy trình sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp.

A. Tốn kém. B. Sản xuất trên quy mô lớn. C. Đơn giản. D. Ít tốn kém.

Bài 16. CHUỒNG NUÔI VÀ BIỆN PHÁP VỆ SINH TRONG CHĂN NUÔI

Câu 1. Yêu cầu về hướng chuồng nuôi?

A. Hướng nam. B. Hướng đông – nam. C. Hướng nam hoặc đông nam. D. Hướng tây.

Câu 2. Có kiểu chuồng nuôi phổ biến nào sau đây?

A. Chuồng hở.

B. Chuồng kín – hở linh hoạt.

C. Chuồng kín.

D. Chuồng hở, chuồng kín, chuồng kín – hở linh hoạt.

Câu 3. Điều **không** phải yêu cầu về chuồng nuôi?

A. Xây dựng nơi yên tĩnh, xa khu dân cư, xa đường giao thông.

B. Hướng chuồng: hướng tây hoặc tây – nam.

C. Nền chuồng: khô ráo và ẩm áp, chắc chắn, độ dốc vừa phải, dễ thoát nước và nền cao hơn mặt đất xung quanh.

D. Kiến trúc xây dựng: phù hợp với đặc điểm sinh lý từng loại vật nuôi, áp dụng tối đa công nghệ mới trong xây dựng chuồng trại và sử dụng thiết bị cơ giới hóa, tự động hóa.

Câu 4. Chuồng hở trong chăn nuôi là

A. kiểu thông thoáng tự nhiên, tiêu khí hậu trong chuồng nuôi phụ thuộc chủ yếu vào môi trường bên ngoài.

B. kiểu thông thoáng tự nhiên, tiêu khí hậu trong chuồng nuôi do con người kiểm soát.

C. kiểu thông thoáng tự nhiên, không có tường chuồng.

D. kiểu chuồng có cửa sổ thông thoáng.

Câu 5. Ưu điểm của kiểu chuồng nuôi hở đó là

A. khó kiểm soát tiêu khí hậu.

B. chi phí đầu tư thấp.

C. đảm bảo an toàn sinh học.

D. phù hợp với chăn nuôi công nghiệp.

Câu 6. Nhược điểm của chuồng hở là

A. khó kiểm soát khí hậu, chịu ảnh hưởng nhiều bởi điều kiện tự nhiên

B. yêu cầu hệ thống điện, nước hiện đại.

C. chi phí đầu tư lớn

D. chỉ phù hợp với quy mô chăn nuôi công nghiệp

Câu 7. Câu nào sau đây **không** đúng về kiểu chuồng hở?

A. Chuồng được thiết kế thông thoáng tự nhiên, có bạt hoặc rèm che linh hoạt

B. Kiểu chuồng này phù hợp với quy mô nuôi công nghiệp, chăn thả có quy củ, thân thiện với môi trường

C. Kiểu chuồng này có chi phí đầu tư thấp hơn chuồng kín

D. Kiểu chuồng này khó kiểm soát tiêu khí hậu chuồng nuôi và dịch bệnh

Câu 8. Kiểu chuồng nào phù hợp với phương thức nuôi công nghiệp, quy mô lớn?

A. Kiểu chuồng hở.

B. Kiểu chuồng kín – hở.

C. Kiểu chuồng hở chia ô.

D. Kiểu chuồng kín.

Câu 9. Chuồng kín là kiểu chuồng được xây dựng như

A. một đường hầm.

B. một toa tàu.

C. một trung cư.

D. một căn hộ.

Câu 10. Ưu điểm của chuồng kín là

A. chi phí thấp.

B. phù hợp với giống địa phương và chăn nuôi hữu cơ.

C. tiết kiệm điện, nước.

D. năng suất cao, giảm chi phí thức ăn, ít dịch bệnh.

Câu 11. Chuồng kín có nhược điểm nào?

A. Cần hệ thống điện, nước hiện đại.

B. Khó kiểm soát khí hậu.

C. Khó đảm bảo an toàn sinh học.

D. Không phù hợp với chăn nuôi công nghiệp.

Câu 12. Kiểu chuồng kín – hở linh hoạt là

A. thông thoáng tự nhiên, tiêu khí hậu trong chuồng phụ thuộc môi trường bên ngoài.

B. xây kín như “một đường hầm”, hệ thống thiết bị trong chuồng chủ động tạo ra các yếu tố tiêu khí hậu theo nhu cầu vật nuôi.

C. chuồng kín nhưng hai bên chuồng có hệ thống cửa sổ có thể đóng mở linh hoạt.

D. chuồng có hệ thống các cửa sổ kính để lấy ánh sáng.

Câu 13. Đặc điểm của chuồng nuôi lợn thịt công nghiệp là

A. chuồng nuôi khép kín hoàn toàn, có hệ thống các cửa sổ kính để lấy ánh sáng.

B. chuồng nuôi kín – hở, có hệ thống các cửa sổ kính để lấy ánh sáng.

C. chuồng nuôi hở hoàn toàn, có bạt che linh hoạt.

D. chuồng nuôi kín – hở, có bạt che linh hoạt.

Câu 14. Kiểu chuồng nuôi nên được áp dụng ở hệ thống chuồng nào cho cả gà thịt và gà đẻ?

A. Hệ thống chuồng kín.

B. Hệ thống chuồng hở.

C. Hệ thống chuồng kín – hở.

D. Cả hệ thống chuồng kín và chuồng hở.

Câu 15. Cho các yêu cầu xây dựng chuồng nuôi cần đảm bảo dưới đây:

(1) Đảm bảo đủ diện tích cho từng con vật nuôi.

(2) Cao 3 – 4 m để đảm bảo thông thoáng.

(3) Đầy đủ, phù hợp với đối tượng vật nuôi và từng giai đoạn.

(4) Có độ dốc 30 – 40% để tránh đọng nước.

(5) Đảm bảo hiệu quả, an toàn và dễ vệ sinh.

Trong các yêu cầu xây dựng trên, có bao nhiêu yêu cầu xây dựng cần đảm bảo về mái chuồng?

A. 3.

B. 1.

C. 2.

D. 4.

Bài 17. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC VẬT NUÔI

Câu 1. Biện pháp cần thực hiện trong quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc và phòng, trị bệnh gia cầm để đảm bảo bảo vệ môi trường

A. nuôi dưỡng đúng cách.

B. đảm bảo vệ sinh chuồng trại.

C. dùng bảo hộ lao động đầy đủ.

D. không sử dụng sản phẩm gia cầm chưa nấu chín kỹ.

Câu 2. Trong quá trình chăm sóc vật nuôi, ý nào sau đây không đúng?

A. Thường xuyên vệ sinh máng ăn, máng uống sạch sẽ. B. Lượng nước uống hàng ngày cố định.

C. Thường xuyên quan sát đàn vật nuôi. D. Chú ý cường độ và liều lượng chiếu sáng.

Câu 3. Ở trong chuồng nuôi bò sữa hiện đại, nền chuồng được trải các tấm cao su lót sàn giúp:

A. Vệ sinh dễ dàng và tránh trơn trượt. B. Hấp thụ độ ẩm, tránh thoát khí độc ra môi trường.

C. Khống chế lượng rác thải do bò tạo ra. D. Xử lý chất thải chăn nuôi.

Câu 4. Nhiệt độ chuồng nuôi gà đẻ trứng phù hợp là

A. 15-18 °C. B. 18-25 °C. C. 25-30 °C. D. 30-35 °C.

Câu 5. Lợn giai đoạn dưới 30 kg cho ăn mấy bữa trong ngày?

A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 6. Đâu **không phải** là nguồn thức ăn bổ sung canxi cho gà đẻ?

A. Vỏ tôm. B. Các loại hạt đậu. C. Vỏ trứng. D. Vỏ sò

Câu 7. Lượng thức ăn hàng ngày của lợn được tính theo yếu tố nào sau đây?

A. Giai đoạn phát triển. B. Khối lượng cơ thể. C. Hình thức chăn thả. D. Cấu trúc chuồng nuôi.

Câu 8. Thành phần dinh dưỡng của gà đẻ trứng cần lưu ý điểm nào?

A. Hàm lượng tinh bột cao. B. Hàm lượng calcium cao.

C. Hàm lượng lipid cao. D. Hàm lượng glucose cao.

Câu 9. Tại sao nên cho gà đẻ trứng ăn tự do bột vỏ trứng, bột xương, vỏ sò, vỏ hến nghiền nhỏ?

A. Bổ sung thêm protein B. Bổ sung thêm canxi

C. Bổ sung thêm lipid D. Bổ sung thêm glucose

Câu 10. Vì sao khẩu phần ăn của lợn ở các giai đoạn khác nhau lại khác nhau?

A. Tất cả các loại thức ăn đều có giá thành như nhau, nên việc thay đổi khẩu phần giúp tiết kiệm chi phí.

B. Nhu cầu dinh dưỡng của lợn không thay đổi theo từng giai đoạn phát triển.

C. Để đảm bảo với từng giai đoạn phát triển, đặc điểm sinh lí của lợn.

D. Việc thay đổi khẩu phần ăn là một phương pháp để kiểm tra khả năng thích nghi của lợn với các loại thức ăn khác nhau.

Câu 11. Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của vệ sinh trong chăn nuôi?

A. Phòng ngừa dịch bệnh xảy ra.

B. Bảo vệ sức khỏe vật nuôi.

C. Quản lý tốt đàn vật nuôi.

D. Nâng cao năng suất chăn nuôi.

Câu 12. Mật độ nuôi gà đẻ trứng trung bình là bao nhiêu?

A. 3 – 3,5 con/m² chuồng.

B. 3,5 – 6 con/m² chuồng.

C. 1 con/m² chuồng.

D. 10 con/m² chuồng.

Câu 13: Hàm lượng protein trong thức ăn của gà đẻ trứng nên duy trì ở mức nào?

A. 10 - 12%

B. 13 - 15%

C. 15 - 17%

D. 18 - 20%

Câu 14: Nếu chuồng nuôi không yên tĩnh sẽ ảnh hưởng đến gà đẻ trứng, ý nào sau đây là **không** đúng?

A. Gà thường nhút nhát, dễ bị hoảng sợ bởi tiếng động.

B. Khi bị tiếng động thì chúng chạy dõn về góc chuồng và kêu ầm ĩ.

C. Gà thường nằm trong ổ đẻ lâu hơn và đẻ nhiều hơn.

D. Gà hay hoảng sợ với các âm thanh như rơi vỡ đồ vật.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Nhóm bạn An được giao nhiệm vụ tìm hiểu về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc lợn thịt. Trước khi báo cáo, nhóm đã thảo luận đưa ra một số nội dung còn vướng mắc. Sau đây là một số ý kiến:

a. Chuồng nuôi nên xây về hướng Đông – Bắc là tốt nhất cho vật nuôi.

b. Lượng thức ăn hàng ngày cho mỗi con lợn trung bình khoảng 5% trọng lượng cơ thể và duy trì cho đến khi lợn xuất chuồng.

c. Lợn ở giai đoạn nhỏ cần thức ăn có hàm lượng protein cao hơn so với các giai đoạn sau.

d. Lợn nên được cho ăn 2 lần/ngày với máng ăn và uống riêng biệt, bổ sung bột vỏ trứng, bột xương và cho uống nước sạch tự do.

Câu 2. Tình huống: Chủ một trang trại chăn nuôi lợn thịt khi phát hiện con vật có các dấu hiệu bất thường như sốt cao, mệt mỏi, bỏ ăn, tiêu chảy, có xuất huyết trên da....đã làm những việc sau:

1. Mang một số con lợn chưa có biểu hiện bất thường ra chợ bán.
2. Đóng cửa khu chăn nuôi không cho người lạ vào
3. Mua thuốc về tự điều trị cho lợn
4. Báo cho cán bộ thú y

Câu 3. Gia đình em thấy đàn gà nhà mình có các biểu hiện sau: một số con gà có biểu hiện mệt mỏi, xù lông, sả cánh, mắt lơ đãng hoặc nhắm nghiền, trên nền chuồng có rải rác một vài bãi phân gà có lẫn máu. Em sẽ làm gì khắc phục tình trạng này?

- A. Áp dụng phác đồ điều trị theo chỉ dẫn của bác sĩ thú y.
- B. Tiến hành tiêm phòng vắc xin cả đàn
- C. Phun thuốc khử trùng chuồng trại chăn nuôi.
- D. Tiêu hủy con vật bị bệnh.

Câu 4. Trong chăn nuôi, một số chất cấm sử dụng như chất kích thích tăng trưởng hay còn gọi là “chất tạo nạc” (là nhóm thuốc điều trị hen suyễn ở người), Chất tạo màu công nghiệp(chất nhuộm màu sợi vải, nhuộm giấy,..) việc bổ sung chất này trong thức ăn chăn nuôi dẫn đến tồn dư trong thịt, ảnh hưởng đến sức khỏe người tiêu dùng.

- A. Sử dụng liều lượng thích hợp để cải thiện sản phẩm tăng hiệu quả kinh tế
- B. Nghiêm cấm sử dụng chất này trên mọi hình thức.
- C. Tăng cường công tác kiểm tra quản lý để ngăn chặn kịp thời.
- D. Thêm vào khẩu phần ăn để cân đối chất dinh dưỡng cần thiết cho vật nuôi

Câu 5: Khi nói về bệnh cúm gia cầm, nhận định sau đúng hay sai?

- a. Gà từ 6 ngày đến 30 ngày tuổi có nguy cơ nhiễm bệnh cao nhất.
- b. Mầm bệnh là virus cúm nhóm A, xâm nhập theo đường hô hấp và tiêu hóa.
- c. Mầm bệnh có thể lây lan sang con người và một số động vật khác.
- d. Sử dụng thuốc đặc trị và thuốc trợ sức để điều trị bệnh.

Câu 6: Khi nói về các biện pháp chung để đảm bảo an toàn cho con người khi chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhận định nào đúng hay sai?

- a. Con người cần đảm bảo có sức khỏe tốt khi tham gia chăn nuôi và định kì khám sức khỏe.
- b. Khi con vật có biểu hiện bất thường, cần trực tiếp chăm sóc không cần đồ bảo hộ.
- c. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp kiểm soát dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y (áp dụng an toàn sinh học trong chăn nuôi, tiêm vaccine phòng bệnh, khi có bệnh thì khai báo, cách li, vệ sinh tiêu độc, tiêu hủy,...).
- d. Quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi đúng kĩ thuật.

Câu 7: Trong mỗi ý a), b), c), d) thí sinh chọn đúng hoặc sai.

- A. Các loại vaccine thông thường được sản xuất bằng cách sử dụng các virus, vi khuẩn gây bệnh đã làm suy yếu
- B. Các loại vaccine thông thường được sản xuất bằng cách sử dụng các virus, vi khuẩn gây bệnh đã bất hoạt
- C. Các loại vaccine thông thường được sản xuất bằng cách sử dụng các protein của virus, vi khuẩn gây bệnh
- D. Các loại vaccine thông thường được sản xuất bằng các protein của vi khuẩn không bệnh.

Câu 8: Khi nói về các biện pháp chung để đảm bảo an toàn cho con người khi chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhận định nào đúng hay sai?

- a. Con người cần đảm bảo có sức khỏe tốt khi tham gia chăn nuôi và định kì khám sức khỏe.
- b. Khi con vật có biểu hiện bất thường, cần trực tiếp chăm sóc không cần đồ bảo hộ.
- c. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp kiểm soát dịch bệnh theo hướng dẫn của cơ quan thú y (áp dụng an toàn sinh học trong chăn nuôi, tiêm vaccine phòng bệnh, khi có bệnh thì khai báo, cách li, vệ sinh tiêu độc, tiêu hủy,...).
- d. Quản lý và xử lý chất thải chăn nuôi đúng kĩ thuật.

Câu 9. Sau khi tham quan trang trại nuôi gà thịt tại xã A, một nhóm học sinh đã đưa ra một số nhận định sau. Em hãy cho biết nhận định nào là đúng, nhận định nào là sai?

- a) Việc sử dụng chuồng nuôi hờ trong nuôi gà tại địa phương rất phổ biến.
- b) Người dân có thể sử dụng hệ thống ròng rọc nhằm cơ động đóng bật, làm tường chủ động, tạo độ thoáng cho chuồng nuôi.
- c) Mái chuồng kiểu hai mái đảm bảo ánh sáng và độ thông thoáng chuồng nuôi tốt hơn kiểu chuồng bốn mái.
- d) Việc sử dụng hệ thống chuồng nuôi hờ giúp đảm bảo tiêu khí hậu trong chuồng nuôi tốt hơn so với kiểu chuồng nuôi kín.

Câu 10. TH là trang trại đầu tiên tại Việt Nam thực hiện chuyển đổi đồng cỏ, đàn bò sang chăn nuôi organic (hữu cơ) để sản xuất sữa tươi organic theo tiêu chuẩn châu Âu. Tổ chức Control Union đánh giá TH là điển hình cho việc phát triển nông nghiệp hữu cơ tại Việt Nam. Em hãy đánh giá những nhận định sau đây về quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc Bò sữa là đúng hay sai?

- a) Thức ăn thô cho bò gồm thức ăn xanh là cỏ tự nhiên, cỏ trồng, thức ăn được ủ chua, cỏ khô, rơm lúa, thức ăn củ quả, hạt các loại cây họ đậu, bã bia.
- b) Trong quy trình chăm sóc bò sữa việc chiếu sáng hợp lý cho bò đang vắt sữa là 16 giờ sáng và 8 giờ tối.
- c) Người chăn nuôi sẽ sử dụng men vi sinh để trộn vào thức ăn, nước uống làm tăng tỷ lệ tiêu hóa thức ăn từ đó tăng lượng phân thải ra và giảm mùi hôi phân.
- d) Thức ăn thô xanh cần được phơi tái để làm giảm bớt hàm lượng nước có trong cỏ xuống 65-70% và cần bổ sung thêm bột ngô hoặc bột cám gạo và muối ăn trước khi ủ chua để bảo quản.

PHẦN III: TỰ LUẬN

- Đặc điểm, nguyên nhân, biện pháp phòng trị một số bệnh phổ biến ở vật nuôi: gia cầm, trâu bò, ...
- Lựa chọn và đề xuất được các biện pháp phòng trị bệnh phù hợp với thực tiễn chăn nuôi của gia đình, địa phương (đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường).
- Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi phù hợp với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương.
- Trình bày được những yêu cầu chung của chuồng nuôi.
- Trình bày những yêu cầu về chuồng nuôi của một số loại vật nuôi phổ biến (gà, lợn, bò, ...). Theo em, cần phải làm gì để đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi.
- Mô tả quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc một số loại vật nuôi phổ biến (gà đẻ trứng, lợn thịt, bò sữa,...). Liên hệ với thực tiễn chăn nuôi ở gia đình, địa phương em.